

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-SYT *Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2026*

KẾ HOẠCH
xây dựng xã, phường, đặc khu đạt/ duy trì đạt Tiêu chí quốc gia về y tế
xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(giai đoạn 2026-2030)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030; Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế về việc đính chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 (*Quyết định số 1300/QĐ-BYT*);

2. Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi triển khai Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 18/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (*Kế hoạch 07/KH-UBND*); Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về triển khai thực hiện công tác bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch 27/KH-UBND*); Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nền y học cổ truyền Việt Nam trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch 59/KH-UBND*);

3. Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phân công nhiệm vụ phụ trách thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030¹;

Sở Y tế ban hành Kế hoạch xây dựng xã, phường, đặc khu đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2026-2030², cụ thể như sau:

¹ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

² Kế hoạch số 369/KH-SYT ngày 06/02/2026 thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động số 08-CTr/TU

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA Y TẾ XÃ

1. Kết quả đạt Bộ tiêu chí theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT

1.1. Thông tin chung về cơ sở y tế xã

Tỉnh Quảng Ngãi có diện tích là 14.832,55km², dân số: 2.161.755 nhân khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) 540.078 người với 45 thành phần dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 08 thành phần DTTS sống tại chỗ, gồm: Xê Đăng, Ba Na, Gia Rai, Giê Triêng, Brâu, Rơ Măm, Hrê, Co.

Toàn tỉnh 96 đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm 86 xã, 09 phường và 01 đặc khu hành chính – kinh tế). Trong đó có 65 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (7 xã khu vực I, 10 xã khu vực II, 48 xã khu vực III)³. Phân nhóm thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới: 87 xã, đặc khu: nhóm 1: 8 xã; nhóm 2: 21 xã, đặc khu; nhóm 3: 58 xã.

1.2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã

Tính đến 02/2026, theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công nhận/thừa nhận xã, phường đạt và duy trì đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã (BTCQGYTX) giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, toàn tỉnh có 93,8% xã, phường, đặc khu đạt, trong đó xã: 82/86 (95,3%); phường: 08/09 (88,9%); đặc khu chưa đánh giá. Hiện còn 06 địa phương chưa đạt hoặc đã đạt nhưng không duy trì được kết quả (quá 03 năm) cụ thể: 04 xã (Sơn Hà, Sơn Tây, Cà Đam, Đông Trà Bồng), 01 phường (phường Sa Huỳnh) và Đặc khu Lý Sơn.

a). Kết quả đạt BTCQGYTX trên toàn tỉnh

Năm	Công nhận/thừa nhận đạt BTCQGYTX		Đơn vị hành chính đạt tiêu chí		
	Thừa nhận	Công nhận	Xã	Phường	Đặc khu
2023	13*		12	01	
2024	42**		40	02	
2025	17***	18***	30	05	
Toàn tỉnh	90/96 (tỷ lệ 93,8%) xã, phường, đặc khu đạt tiêu chí		82/86	08/9	0/1
			95,3%	88,9%	0%

* Năm 2023: Xã Đăk Rơ Wa, Xã Đăk Pxi, Xã Ngọc Réo, Xã Đăk Tô, Xã Đăk Sao, Xã Măng Ri, Xã Sa Loong, Xã Ngọc Linh, Xã Rờ Koi, Xã Ia Toi, Xã Đăk Kôi, Xã Măng Đen, Phường Đăk Cẩm.

ngày 18/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

³Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 – 2030.

**** Năm 2024:** Xã An Phú, Xã Nghĩa Hành, Xã Đình Cương, Xã Thiện Tín, Xã Phước Giang, Xã Long Phụng, Xã Mỹ Cày, Xã Mỹ Đức, Xã Tân Phong, Xã Sơn Linh, Xã Sơn Thủy, Xã Sơn Kỳ, Xã Sơn Tây Thượng, Xã Sơn Tây Hạ, Xã Minh Long, Xã Sơn Mai, Xã Ba Tơ, Xã Ba Vinh, Xã Ba Động, Xã Đặng Thùy Trá, Xã Ba Xa, Xã Ngọc Bay, Xã Ia Chim, Xã Đắk Mar, Xã Đắk Ui, Xã Đắk Hà, Xã Ngọc Tú, Xã Kon Đào, Xã Tu Mơ Rông, Xã Bờ Y, Xã Dục Nông, Xã Xốp, Xã Đắk PLô, Xã Sa Thầy, Xã Sa Bình, Xã Ya Ly, Xã Kon Braih, Xã Đắk Rve, Xã Măng Bút, Xã Kon Plông, Phường Kon Tum, Phường Đắk Bla.

***** Năm 2025:** Xã Đắk Pék, Xã Đắk Long, Xã Đắk Môn, Xã Đắk Tô Kan, Xã Mỹ Rai, Xã Ia Đal, Xã Trường Giang, Xã Ba Gia, Xã Sơn Tịnh, Xã Thọ Phong, Xã Tư Nghĩa, Xã Vệ Giang, Xã Nghĩa Giang, Xã Trà Giang, Xã Trà Bồng, Xã Thanh Bồng, Xã Tây Trà, Xã Tây Trà Bồng, Xã Tịnh Khê, Xã Nguyễn Nghiêm, Xã Khánh Cường, Xã Bình Minh, Xã Bình Chương, Xã Bình Sơn, Xã Vạn Tường, Xã Đông Sơn, Xã Sơn Hạ, Xã Ba Vì, Xã Ba Tô, Xã Ba Đình, Phường Trương Quang Trọng, Phường Cẩm Thành, Phường Nghĩa Lộ, Phường Trà Câu, Phường Đức Phổ.

b) Kết quả đạt đối với các xã, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Thống kê theo vùng dân tộc thiểu số và miền núi: 93,8% xã, phường đạt BTCQGYTX, trong đó xã: 58/62 (93,5%); phường: 3/3 (100%).

Vùng DTTS-MN (QĐ 60/QĐ-BDTT)	Khu vực I,II,III giai đoạn 2026-2030		Đơn vị hành chính đạt tiêu chí	
			Xã	Phường
	Số xã, phường vùng DTTS-MN: đặc biệt khó khăn Đạt tiêu chí		62	3
	Trong đó	Khu vực I (7)	4/4	3/3
		Khu vực II (10)	9/10	
		Khu vực III (48)	45/48	
	Tổng số 61/65 (tỷ lệ 93,8%)		58/62 (93,5%)	3/3 (100%)

c) Kết quả đạt tiêu chí đối với phân nhóm xã thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới: Số xã, đặc khu đạt BTCQGYTX 82/87 (tỷ lệ 94,3%)

Nhóm xã xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2023-2030		Đơn vị hành chính đạt tiêu chí	
		Xã	Đặc khu
Trong đó	Nhóm 1 (8)	8/8 (100%)	
	Nhóm 2 (21)	20/20 (100%)	0/1 (0%)
	Nhóm 3 (58)	54/58 (93,1%)	
Tỷ lệ đạt BTCQGYTX		82/87 (94,3%)	

III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục xây dựng, củng cố y tế xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là xã) phấn đấu 100% xã đạt/ duy trì đạt Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Mục tiêu cụ thể

- Năm 2026: Phấn đấu 6 xã⁴ đạt và 13 xã* công nhận duy trì đạt BTCQGYTX giai đoạn 2030, đảm bảo 100% xã đạt tiêu chí quốc gia y tế xã.

- Năm 2027: Phấn đấu duy trì 42 xã⁵ đạt BTCQGYTX giai đoạn 2030, đảm bảo 100% xã đạt Tiêu chí quốc gia y tế xã.

- Năm 2028: Phấn đấu duy trì 35 xã⁶ đạt Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn 2030; đảm bảo duy trì 100% xã đạt Tiêu chí quốc gia y tế xã.

- Từ năm 2029 đến năm 2030: Phấn đấu duy trì 100% xã đạt BTCQGYTX hướng tới cải thiện, tăng dần điểm đạt tại tất cả chỉ tiêu.

(danh sách xã phấn đấu đạt/ duy trì đạt Tiêu chí quốc gia y tế xã hàng năm chi tiết tại phụ lục I)

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo điều hành công tác Chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tiếp tục kiện toàn **Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe Nhân dân** phù hợp với quy định hiện hành⁷; xây dựng kế hoạch hoạt động, quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo. Tổ chức họp định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) đánh giá các hoạt động chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Tăng cường vai trò chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; tăng cường sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể với Y tế trong việc xây dựng và duy trì đạt tiêu chí quốc gia y tế xã. Kiện toàn Hội đồng xét công nhận xã đạt BTCQGYTX (Hội đồng cấp xã).

Trạm Y tế tham mưu kịp thời Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch thực hiện kế hoạch 07/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW

⁴ 06 xã: 04 xã (Sơn Hà, Sơn Tây, Cà Đam, Đông Trà Bồng), 01 phường (phường Sa Huỳnh) và Đặc khu Lý Sơn.

⁵ 42 xã thừa nhận đạt năm 2024 theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công nhận/thừa nhận xã, phường đạt và duy trì đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

⁶ 35 xã công nhận/thừa nhận đạt năm 2025 tại Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công nhận/thừa nhận xã, phường đạt và duy trì đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

⁷ Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn 2011 - 2020 tầm nhìn đến năm 2030; Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân tại địa phương, trong đó xác định nhiệm vụ xây dựng xã đạt Tiêu chí quốc gia y tế là nhiệm vụ chính trị, là công tác trọng tâm của địa phương đưa chỉ tiêu xây dựng/ duy trì đạt Tiêu chí quốc gia y tế xã vào kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ban hành Kế hoạch xây dựng xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2030, (năm 2026-2030).

Rà soát, kiện toàn đội ngũ nhân viên y tế thôn (NVYTT), cô đỡ thôn bản (CĐTB), cộng tác viên dân số (CTV DS) đảm bảo mỗi tổ, thôn, làng, khu phố có ít nhất 01 NVYTT/CĐTB/CTV DS theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ phạm vi hoạt động khám chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đối với Nhân viên y tế thôn, bản; Cô đỡ thôn, bản.

Rà soát, sắp xếp bố trí đủ nhân lực làm việc tại TYT theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp và đề án vị trí việc làm; duy trì bền vững tỷ lệ TYT có bác sĩ, luân phiên bác sĩ (giữa TYT, Điểm y tế trực thuộc) bình quân mỗi TYT có từ 4 - 5 bác sĩ. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn theo quy định.

Đảm bảo cơ sở y tế (Trạm Y tế, điểm y tế) đủ điều kiện khám bệnh chữa bệnh cho người có thẻ BHYT; đảm bảo tỷ lệ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại trạm y tế cấp xã duy trì từ 20% trở lên; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia Bảo hiểm y tế toàn dân theo Kế hoạch 27/KH-UBND.

Quản lý tốt nguồn kinh phí được cấp đảm bảo cấp đủ và kịp thời, đáp ứng được nhu cầu để triển khai các hoạt động được giao.

2. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị các Trạm Y tế bảo đảm đạt chuẩn

Tập trung đầu tư cải tạo, mở rộng cơ sở làm việc, bổ sung thiết bị y tế và nhân lực cho các Trạm y tế cấp xã đề xuất cấp có thẩm quyền nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế; duy tu bảo dưỡng, sửa chữa và đầu tư nâng cấp cơ sở y tế xã (TYT xã và các Điểm y tế) đạt chuẩn theo quy định.

3. Nâng cao chất lượng hoạt động y tế trạm y tế cấp xã

Truyền thông, giáo dục sức khỏe, tăng cường nhận thức về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, tạo ý thức tự giác, chủ động trong phòng bệnh, chữa bệnh của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Xây dựng, tổ chức triển khai tuyên truyền, truyền thông sức khỏe, tăng cường nhận thức về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Đa dạng hóa các hình thức, phương thức tuyên truyền, cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả của y tế cơ sở, y tế dự phòng: bảo đảm cung ứng các dịch vụ cơ bản thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban

đầu, dịch vụ chăm sóc xã hội và quản lý bệnh tật. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của y tế cơ sở; triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử và quản lý sức khỏe người dân toàn dân, toàn diện theo nguyên lý y học gia đình.

Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cải thiện vệ sinh hộ gia đình; Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ.

4. Tiêu chí đánh giá đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã

Tạm thời thực hiện theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế ban hành BTCQGYTX giai đoạn đến năm 2030; Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế về việc đính chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế ban hành BTCQGYTX giai đoạn đến năm 2030 và tình hình thực tế tại địa phương theo mô hình chính quyền 2 cấp.

(Bảng điểm BTCQGYTX đánh giá chi tiết tại Phụ lục III)

5. Quy trình đăng ký, đánh giá, xét công nhận xã đạt BTCQGYTX

Quy trình tổ chức đăng ký, đánh giá và xét công nhận các xã đạt BTCQGYTX, đảm bảo như sau:

5.1. Đăng ký: Ban chỉ đạo CSSKND chỉ đạo thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026-2030; bố trí nguồn lực để duy trì kết quả đạt. TYT xã làm đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động; đánh giá mức đạt theo BTCQGYTX đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) năm đề nghị phúc tra công nhận/công nhận lại.

5.2. Năm đề nghị công nhận/ công nhận lại

TYT tự tổ chức đánh giá; thu thập đầy đủ các tài liệu, số liệu, lập hồ sơ chứng minh đạt các tiêu chí (hạn chế in tài liệu - ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống báo cáo hiện hành). Kết quả tự đánh giá ĐẠT mới tiến hành hoàn thiện hồ sơ gửi Hội đồng xét công nhận cấp xã (qua Tổ thư ký Hội đồng cấp xã).

a). Hội đồng cấp xã:

- Tổ thư ký Hội đồng cấp xã sau khi nhận được hồ sơ đề nghị do TYT gửi, có trách nhiệm thẩm định hồ sơ; lập Đoàn đến tận nơi đánh giá thẩm định tất cả các chỉ tiêu theo quy định (lập biên bản, kèm bảng điểm); tham mưu Hội đồng cấp xã.

- Hội đồng cấp xã: Đại diện Tổ Thư ký trình bày kết quả thẩm định; các thành viên Hội đồng xem xét, nêu các vấn đề cần làm rõ; đại diện tổ thư ký trả lời Hội đồng; Nếu có thành viên Hội đồng không thống nhất thì có thể tổ chức thẩm tra lại các nội dung chưa thống nhất để đánh giá kết quả, hoàn thiện hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đề nghị phúc tra công nhận địa phương Đạt BTCQGYTX (tờ trình, biên bản họp Hội đồng, bảng điểm chi

tiết) gửi Hội đồng xét công nhận cấp tỉnh (qua Sở Y tế, cơ quan Thường trực Hội đồng cấp tỉnh).

b). Hội đồng cấp tỉnh:

- Tổ Thư ký có trách nhiệm tổng hợp, rà soát, đánh giá và thẩm định tất cả các hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã đề nghị: chủ trì, phối hợp các đơn vị tuyến tỉnh thực hiện phúc tra, đánh giá (tùy tình hình có thể đến tận nơi đánh giá phúc tra toàn bộ hoặc từng tiêu chí hoặc đánh giá dựa trên báo cáo, hồ sơ thống kê trên hệ thống theo dõi báo cáo tại Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc tuyến tỉnh).

- Tổ chức họp Hội đồng cấp tỉnh: Trên cơ sở hồ sơ đã được Tổ thư ký phúc tra, thẩm định; Tổ Thư ký trình bày kết quả thẩm định; Các thành viên Hội đồng thẩm định, xem xét, nêu các vấn đề cần làm rõ tiến hành đánh giá lại kết quả, thống nhất bỏ phiếu; Tổ thư ký tổng hợp, tham mưu lãnh đạo Sở Y tế lập danh sách kèm hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công nhận/ công nhận lại địa phương đạt BTCQGYTX kèm đề xuất danh sách địa phương thu hồi danh hiệu nếu phúc tra các xã đã đạt qua các năm nhưng không duy trì được kết quả đạt.

5.3. Khen thưởng: Sở Y tế, cơ quan thường trực Hội đồng cấp tỉnh tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các hình thức khen thưởng phù hợp đối với các xã có thành tích tốt trong việc đạt Tiêu chí quốc gia y tế xã.

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương hỗ trợ hàng năm.

- Lồng ghép thực hiện từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; các Chương trình dự án khác có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

Là cơ quan chủ trì thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các Sở, ban ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các xã trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, giám sát và kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ Sở Y tế, đơn vị trực thuộc có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao (tại Phụ lục II) hỗ trợ TYT tổ chức triển khai kế hoạch này; kịp thời cập nhật các hướng dẫn liên quan (nếu có).

Sở Y tế giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật làm đầu mối theo dõi, triển khai Kế hoạch. Tổng hợp đề xuất của địa phương (nhận, kiểm tra hồ sơ) tham mưu Sở Y tế (qua phòng Nghiệp vụ Y): Kế hoạch hàng năm; Kế hoạch phúc tra và các văn bản triển khai đảm bảo kế hoạch giai đoạn được triển khai đạt

mục tiêu, kịp thời tham mưu Sở Y tế điều chỉnh khi có văn bản hướng dẫn bổ sung có liên quan từ Trung ương.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chỉ đạo các ban, ngành liên quan phối hợp với ngành Y tế trong thực hiện xây dựng, duy trì đạt Tiêu chí quốc gia y tế xã, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổ chức triển khai đúng tiến độ nhằm nâng cao chất lượng mạng lưới y tế góp phần vào công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn quản lý.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, lồng ghép các CTMTQG có tại địa phương, có trách nhiệm tổ chức thẩm định, đánh giá các tiêu chí theo đúng quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác kết quả thẩm định khi đề nghị xét công nhận xã đạt BTCQGYTX.

VII. CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục I: Tình hình xã, phường, đặc khu đạt Tiêu chí quốc gia y tế xã và đăng ký lộ trình giai đoạn đến năm 2030, năm 2026-2030 kèm Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công nhận/thừa nhận xã, phường đạt và duy trì đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

2. Phụ lục II: Phân công nhiệm vụ phụ trách thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2026-2030.

3. Phụ lục III. Bảng điểm đánh giá Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã

4. Phụ lục IV: Danh sách địa phương đăng ký phấn đấu đạt năm 2026.

5. Quyết định số 13/QĐ-SYT ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Hội đồng, Tổ thư ký Hội đồng xét công nhận xã, phường, đặc khu đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 tỉnh Quảng Ngãi)/.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài Chính; Dân tộc và Tôn giáo.
- Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội.
- HĐND-UBND các xã, phường, đặc khu (t/h);
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Ngọc Hòa

Phụ lục I
THỰC TRẠNG, LỘ TRÌNH PHÂN ĐẦU DUY TRÌ XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU ĐẠT
TIÊU CHÍ QUỐC GIA Y TẾ XÃ GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030
(giai đoạn 2026-2030)

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH (Số: 1677/NQ-UBTVQH15)				Đạt (QĐ 481/QĐ- UBND)	Lộ trình phân đầu xây dựng đạt/ duy trì đạt (sau 3 năm được UBND tỉnh công nhận - hết hiệu lực)				
STT	Nhóm (XD NTM)	Khu vực	CẤP XÃ		2026	2027	2028	2029	2030
A			XÃ		16	40	30	16	40
1	1		Xã Tịnh Khê	2025			x		
2	1		Xã An Phú	2024		x			x
3	1	I	Xã Nguyễn Nghiêm	2025			x		
4	1		Xã Khánh Cường	2025			x		
5	2		Xã Bình Minh	2025			x		
6	2		Xã Bình Chương	2025			x		
7	2		Xã Bình Sơn	2025			x		
8	1		Xã Vạn Tường	2025			x		
9	2		Xã Đông Sơn	2025			x		
10	2		Xã Trường Giang	2025			x		
11	2		Xã Ba Gia	2025			x		
12	2		Xã Sơn Tịnh	2025			x		
13	1		Xã Thọ Phong	2025			x		
14	2		Xã Tư Nghĩa	2025			x		
15	2		Xã Vệ Giang	2025			x		
16	2		Xã Nghĩa Giang	2025			x		
17	2		Xã Trà Giang	2025			x		
18	2		Xã Nghĩa Hành	2024		x			x
19	2		Xã Đình Cương	2024		x			x
20	2		Xã Thiện Tín	2024		x			x
21	2		Xã Phước Giang	2024		x			x
22	2		Xã Long Phụng	2024		x			x
23	2		Xã Mỏ Cày	2024		x			x
24	2		Xã Mộ Đức	2024		x			x
25	1		Xã Lân Phong	2024		x			x
26	3	III	Xã Trà Bồng	2025			x		
27	3	II	Xã Đông Trà Bồng	Chưa	x			x	
28	3	III	Xã Tây Trà	2025			x		
29	3	III	Xã Thanh Bồng	2025			x		
30	3	III	Xã Cà Đam	Chưa	x			x	
31	3	III	Xã Tây Trà Bồng	2025			x		
32	3	III	Xã Sơn Hạ	2025			x		

33	3	III	Xã Sơn Linh	2024		x			x
34	3	III	Xã Sơn Hà	Chưa	x			x	
35	3	III	Xã Sơn Thủy	2024		x			x
36	3	III	Xã Sơn Kỳ	2024		x			x
37	3	III	Xã Sơn Tây	Chưa	x			x	
38	3	III	Xã Sơn Tây Thượng	2024		x			x
39	3	III	Xã Sơn Tây Hạ	2024		x			x
40	3	III	Xã Minh Long	2024		x			x
41	3	III	Xã Sơn Mai	2024		x			x
42	3	III	Xã Ba Vì	2025			x		
43	3	III	Xã Ba Tô	2025			x		
44	3	III	Xã Ba Đình	2025			x		
45	3	III	Xã Ba Tơ	2024		x			x
46	3	III	Xã Ba Vinh	2024		x			x
47	3	III	Xã Ba Động	2024		x			x
48	3	III	Xã Đặng Thùy Trâm	2024		x			x
49	3	III	Xã Ba Xa	2024		x			x
50	3	II	Xã Ngọc Bay	2024		x			x
51	1	I	Xã Ia Chim	2024		x			x
52	3	II	Xã Đăk Rơ Wa	2023	x			x	
53	3	III	Xã Đăk Pxi	2023	x			x	
54	2	I	Xã Đăk Mar	2024		x			x
55	3	II	Xã Đăk Ui	2024		x			x
56	3	III	Xã Ngọc Réo	2023	x			x	
57	2	I	Xã Đăk Hà	2024		x			x
58	3	III	Xã Ngọc Tụ	2024		x			x
59	3	II	Xã Đăk Tô	2023	x			x	
60	3	III	Xã Kon Đào	2024		x			x
61	3	III	Xã Đăk Sao	2023	x			x	
62	3	III	Xã Đăk Tờ Kan	2025			x		
63	3	III	Xã Tu Mơ Rông	2024		x			x
64	3	III	Xã Măng Ri	2023	x			x	
65	3	II	Xã Bờ Y	2024		x			x
66	3	II	Xã Sa Loong	2023	x			x	
67	3	II	Xã Dục Nông	2024		x			x
68	3	III	Xã Xốp	2024		x			x
69	3	III	Xã Ngọc Linh	2023	x			x	
70	3	III	Xã Đăk PLô	2024		x			x
71	3	III	Xã Đăk Pék	2025			x		
72	3	III	Xã Đăk Môn	2025			x		

73	3	III	Xã Đăk Long	2025			x		
74	3	II	Xã Sa Thầy	2024		x			x
75	3	II	Xã Sa Bình	2024		x			x
76	3	III	Xã Ya Ly	2024		x			x
77	3	III	Xã Rờ Koi	2023	x			x	
78	3	III	Xã Mô Rai	2025			x		
79	3	III	Xã Ia Toi	2023	x			x	
80	3	III	Xã Ia Đal	2025			x		
81	3	III	Xã Đăk Kôi	2023	x			x	
82	3	III	Xã Kon Braih	2024		x			x
83	3	III	Xã Đăk Rve	2024		x			x
84	3	III	Xã Măng Đen	2023	x			x	
85	3	III	Xã Măng Bút	2024		x			x
86	3	III	Xã Kon Plông	2024		x			x
B			PHƯỜNG		2	2	5	2	2
1			P. Trương Quang Trọng	2025			x		
2			Phường Cẩm Thành	2025			x		
3			Phường Nghĩa Lộ	2025			x		
4			Phường Trà Câu	2025			x		
5			Phường Đức Phổ	2025			x		
6			Phường Sa Huỳnh	Chưa	x			x	
7		I	Phường Kon Tum	2024		x			x
8		I	Phường Đăk Cấm	2023	x			x	
9		I	Phường Đăk Bla	2024		x			x
C	2	Xã đảo	ĐẶC KHU LÝ SƠN	Chưa	1			1	
96			TOÀN TỈNH	90/96	19	42	35	19	42

Phụ lục II
Phân công đơn vị hướng dẫn đánh giá Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã

Nội dung	Đơn vị hỗ trợ hướng dẫn/đánh giá
Tiêu chí 1. Chỉ đạo, điều hành công tác chăm sóc sức khỏe	Phòng Tổ chức – Hành chính, Sở Y tế
Tiêu chí 2. Nhân lực y tế	Phòng Tổ chức – Hành chính, Sở Y tế
Tiêu chí 3. Cơ sở hạ tầng Trạm Y tế	Phòng Kế hoạch – tài chính Sở Y tế
Tiêu chí 4. Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác	Phòng Nghiệp vụ Dược, Sở Y tế
Tiêu chí 5. Y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Chi cục An toàn thực phẩm
Tiêu chí 6. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và y học cổ truyền	Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế
Tiêu chí 7. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
Tiêu chí 8. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Phòng Dân số, Sở Y tế
Tiêu chí 9. Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật
Tiêu chí 10. Ứng dụng công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Y tế

Phụ lục IV
DANH SÁCH XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU PHẤN ĐẦU XÂY DỰNG/ DUY TRÌ
ĐẠT BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA Y TẾ XÃ NĂM 2030, năm 2026

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH (Số: 1677/NQ-UBTVQH15)				Đạt (QĐ 481/QĐ- UBND)	Dự kiến phúc tra, công nhận năm 2026	
STT	Nhóm XD NTM	Khu vực (QĐ 60/QĐ- BDTTG)	CẤP XÃ		Duy trì	CNM
A			XÃ		12	4
1	3	II	Xã Đông Trà Bồng	Chưa		x
2	3	III	Xã Cà Đam	Chưa		x
3	3	III	Xã Sơn Hà	Chưa		x
4	3	III	Xã Sơn Tây	Chưa		x
5	3	II	Xã Đăk Rơ Wa	2023	x	
6	3	III	Xã Đăk Pxi	2023	x	
7	3	III	Xã Ngọc Réo	2023	x	
8	3	II	Xã Đăk Tô	2023	x	
9	3	III	Xã Đăk Sao	2023	x	
10	3	III	Xã Măng Ri	2023	x	
11	3	II	Xã Sa Loong	2023	x	
12	3	III	Xã Ngọc Linh	2023	x	
13	3	III	Xã Rờ Koi	2023	x	
14	3	III	Xã Ia Toi	2023	x	
15	3	III	Xã Đăk Kôi	2023	x	
16	3	III	Xã Măng Đen	2023	x	
B			PHƯỜNG		1	1
17			Phường Sa Huỳnh	Chưa		1
18		I	Phường Đăk Cẩm	2023	x	
C	2	Xã đảo	ĐẶC KHU LÝ SƠN	Chưa		1
19			TOÀN TỈNH		13	6